

Bản án số: 74/2017/HNGĐ – ST  
Ngày: 11-9- 2017  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Trần Thị Kim Trang.

2/ Ông Đặng Văn Minh.

**- Thư ký Tòa án:** Bà Đặng Thị Lài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 240/2017/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017. Về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐST – HNGĐ ngày 04/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2017 giữa các đương sự

**Nguyên đơn:** Nguyễn Thị H - Sinh năm 1979.

**Bị đơn** : Phạm Khắc V – Sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện H , tỉnh Bình Thuận.

Bà H có mặt, ông V vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/5/2017, tại bản khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà với ông V cưới nhau vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu hơn 01 năm thì cưới. Sau khi cưới vợ chồng ở thôn A, xã L, huyện H. Vợ chồng chung sống với nhau được 04 năm, trong quá trình chung sống thì ông V suốt ngày uống rượu say sưa rồi đánh đập chửi bới bà. Đến năm 2014 thì ông V có người phụ nữ khác và chuyển đến ở với người phụ nữ đó cho đến nay. Sau đó ông V có về nhà

chung của vợ chồng, nhưng mỗi lần về là kiếm chuyện chửi bới bà. Cũng nhiều lần bà cố gắng khuyên giải cho ông V về chung sống lại để các con có đầy đủ cha mẹ nhưng ông V không về, vẫn tiếp tục chung sống như vợ chồng với người phụ nữ đó. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Khắc V .

*Tại bản khai bị đơn ông Phạm Khắc V trình bày:* Ông với bà H cưới nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Việc cưới nhau là do tự tìm hiểu. Thời gian tìm hiểu 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng sống tại Trà Vinh được khoảng 01 năm thì vợ chồng cãi vã nhau, nên năm 1998 về xã L sinh sống. Vợ chồng ông sống hạnh phúc từ đó đến nay. Thời gian khoảng 02 tháng gần đây thì do ông làm ăn thua lỗ, gặp nhiều khó khăn không đủ tiền lo cho vợ con nên vợ chồng mới xảy ra cãi vã nhau, chứ thực ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được quay về chung sống lại với nhau.

*Về con chung:* Vợ chồng thống nhất có 03 con chung tên Phạm Thị Trà M – sinh ngày 10/3/2000; Phạm Thị Trà L – sinh ngày 17/02/2002; Phạm Thuận B – sinh ngày 10/5/2014. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con tên Phạm Thị Trà M – sinh ngày 10/3/2000; Phạm Thị Trà L – sinh ngày 17/02/2002; Phạm Thuận B – sinh ngày 10/5/2004 và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản và nợ chung:* Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Ông V đã đến Tòa án để làm bản khai nêu lên ý kiến của mình. Sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông V đến tòa để giải quyết vụ án, nhưng ông V cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*1/ Về quan hệ pháp luật:* Bà H yêu cầu được ly hôn, nuôi con với ông V . Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Ông V có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã L , huyện H . Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 và khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn ông Phạm Khắc V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông V .

2/ Về nội dung: Bà H và ông V chung sống với nhau vào năm 1998 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo bà H thì vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian gần 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày ông V thường xuyên nhậu nhẹt, say sùi rồi đánh đập chửi bới bà. Đến năm 2014 thì ông V có người phụ nữ khác và chuyển đến ở với người phụ nữ đó cho đến nay. Sau đó ông V thỉnh thoảng có về nhà chung của vợ chồng, nhưng mỗi lần về là chuyện chuyện chửi bới bà. Bà đã cố gắng chịu đựng, hàn gắn nhưng không được. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn gì và yêu cầu Tòa án giải quyết được chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với ông V . Trong quá trình thụ lý giải quyết ông V có đến Tòa án làm bản khai nêu lên ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết đoàn tụ nhưng sau đó nhiều lần Tòa án triệu tập đến để giải quyết thì ông V cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông V không thiết tha gì đến hạnh phúc gia đình của mình. Do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V chung sống với nhau vào năm 1998 không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do vậy Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Khắc V .

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Thị Trà M – sinh ngày 10/3/2000; Phạm Thị Trà L – sinh ngày 17/02/2002; Phạm Thuận B – sinh ngày 10/5/2004. Bà H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà H là có căn cứ, hơn nữa theo nguyện vọng của các con yêu cầu được tiếp tục ở với bà H , nên việc bà H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con là hoàn toàn phù hợp đúng pháp luật, nên chấp nhận.

Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không xem xét giải quyết.

Ông Phạm Khắc V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Về tài sản và nợ: Bà H không yêu cầu, nên không xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 54, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Khoản 1 và Khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 145, 146, Khoản 4 Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC – VKSNDTC – BTP; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 luật Thi hành án dân sự.

#### **Tuyên xử:**

1/Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Khắc V là vợ chồng.

2/ Về con chung:

- Về nuôi con: Giao ba con tên Phạm Thị Trà M – sinh ngày 10/3/2000; Phạm Thị Trà L – sinh ngày 17/02/2002; Phạm Thuận B– sinh ngày 10/5/2004 cho bà Nguyễn Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu, nên không xem xét.

Ông V được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án Phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014414 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Ông Phạm Khắc V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

**Nguyễn Thị Bạch Tuyết**

